TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/DSST
Ngày 26 -10-2020
Vv: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Ông Nguyễn Việt T

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Trọng T - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên

-Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2019/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 11/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 89, L, quận Đ, TP Hà Nội

Người đại diện theo Pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Ngọc T, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ, trung tâm xử lý nợ pháp lý – V Hội sở (ông T có mặt)

- Bị đơn:

+ Anh Nguyễn Trường T, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu 7, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Anh T, chị Đ đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Ngọc T (đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 05/7/2017, Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Trường T, chị Nguyễn Thị Đ kí kết hợp đồng cho vay số LN1706210086656. Theo nội dung của hợp đồng cho vay đã ký kết, anh T và chị Đ vay vốn tại ngân hàng TMCP V với số tiền là 259.000.000đ (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng chẵn); thời hạn cho vay là 83 tháng; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền mua xe ô tô Kia moring EXMT mới 100%.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngân hàng V đã kí với anh T và chị Đ hợp đồng thế chấp ô tô số LN1706210086656 ngày 05/7/2017; Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Kiamorning biển kiểm soát 30E - 855.85. Quá trình vay vốn, anh T và chị Đ đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng cho vay đã kí kết. Cụ thể, anh T đã không trả gốc và lãi đối với khoản vay trên theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng cho vay kể từ ngày 05/4/2018. Tính đến ngày 30/10/2019, anh T, chị Đ còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là: 299.190.540đ; Nợ lãi là 62.457.925đ. Kể từ đó đến nay, anh T, chị Đ không hợp tác để trả khoản nợ cho ngân hàng. Cán bộ ngân hàng đã liên hệ nhiều lần và có thông báo để anh chị hợp tác trong việc thanh toán các khoản nợ nhưng không được. Tính đến ngày 25/8/2020, anh T, chị Đ còn nợ ngân hàng tổng số tiền theo hợp đồng cho vay trên là: trong đó nợ gốc = 233.406.220đ ; nợ lãi = 128.946.617đ. Tổng nợ gốc và lãi là 362.352.837đ

Ngoài ra, ngày 09/6/2017, anh Nguyễn Trường T còn kí hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm với ngân hàng V. Theo hợp đồng này, anh T được sử dụng hạn mức số tiền vay là 30.000.000đ. Lãi suất hợp đồng cho vay được tính là 9,9%/ năm trong 12 tháng đầu; mục đích sử dụng vốn vay là vay mua tô tô để kinh doanh, loại xe Kia Morning EXMT. Quá trình sử dụng tài sản tiền vay đến ngày 07/6/2018 thì anh T vi phạm hợp đồng, không trả gốc và lãi đúng thời hạn. Tính đến ngày 25/8/2020, anh T còn nợ số tiền nợ gốc tại thẻ tín dụng là 29.616.010đ nợ gốc và lãi phát sinh là 37.148.568đ. Ngân hàng đề nghị anh T và chị Đ phải cùng có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế trên với số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 66.764.578đ.

Đề nghị anh T và chị Đ có nghĩa vụ trả chi phí giám định, đối với chi phí thông tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, ngân hàng tự nguyện chịu không đề nghị tòa án giải quyết.

Nếu anh T, chị Đ không trả được khoản nợ trên, ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi khoản nợ trên. Đề nghị Tòa án duy trì hợp đồng thế chấp ô tô hai bên đã kí kết để đảm bảo T hành án.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị Đ vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng như niêm yết văn bản tố tụng, thông tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh T và chị Đ không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không lấy lời khai thể hiện quan điểm của anh T, chị Đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Đối với bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật: Đề nghị HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

+ Về áp dụng pháp luật và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V)

Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 233.406.220đ; nợ lãi phát sinh (tính đến thời điểm 25/8/2020) là 128.946.617đ; Buộc anh Nguyễn Trường T phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền nợ của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với số tiền gốc là 29.616.010đ và lãi phát sinh là 37.148.568đ.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, anh T và chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Đ trả khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã kí kết. Đây là hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với cá nhân, mục đích vay mua phương tiện. Anh T, chị Đ có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

* Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án xác định anh T, chị Đ không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành thông tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với anh T, chị Đ trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T và chị Đ không có mặt theo giấy báo của Tòa án. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Đ là đúng quy định của Pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nội dung đề nghị trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã kí kết:

Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Trường T, chị Nguyễn Thị Đ kí kết hợp đồng cho vay số LN1706210086656 ngày 05/7/2017 với số tiền vay là 259.000.000đ, mục đích vay là mua xe để kinh doanh, thời hạn vay là 83 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T và chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Anh T đã trực tiếp trả nợ lãi đến ngày 05/4/2018 thì vi phạm hợp đồng không trả gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nữa. Số tiền nợ của anh T và chị Đ đối với hợp đồng cho vay trên là 233.406.220đ; nợ lãi phát sinh (tính đến thời điểm

25/8/2020) là 128.946.617đ. Ngày 09/6/2017, Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Trường T kí hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm. Theo hợp đồng này, anh T được sử dụng hạn mức số tiền vay là 30.000.000đ. Lãi suất hợp đồng tín dụng được tính là 9,9%/ năm trong 12 tháng đầu; mục đích sử dụng vốn vay là vay mua tô tô để kinh doanh, loại xe Kia Morning EXMT.

Ngân hàng đề nghị anh T và chị Đ phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ gốc và lãi phát sinh các khoản nợ của hai hợp đồng cho vay trên cho đến khi trả nợ xong. Nếu anh T, chị Đ không trả được khoản nợ, ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo T hành án khoản nợ trên.

Xét hợp đồng cho vay số LN1706210086656 ngày 05/7/2017 với số tiền vay là 259.000.000đ: Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị Đ không có lời khai, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, giám định chữ kí, chữ viết và dấu vân tay của anh T, chị Đ tại hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp ô tô, khế ước nhận nợ. Bản kết luận giám định số 575 ngày 26/5/2020 của phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ kết luận "*Dấu vấn tay dưới mục " bên thế chấp " trong hợp đồng thế chấp xe ô tô LN 1706210086656 ghi ngày 05/7/2017; dưới mục bên vay trong hợp đồng cho vay LN 1706210086656 ghi ngày 05/7/2017 với dấu vân ta in ở ô ngón trỏ phải trên tờ khai chứng minh nhân dân số 132079947 ghi họ tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 15/12/1988, nơi ĐKHKTT: khu 7, xã Phượng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (mẫu so sánh) là của cùng một người*"; Bản kết luận giám định số 575B ngày 08/6/2020 của phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

"*1/ Chữ kí dạng viết "T" và các chữ "Nguyễn Trường T" dưới mục "bên vay, đại diện bên vay, bên thế chấp" trên "hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp xe ô tô" (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ kí dạng viết chữ "T" và các chữ "Nguyễn Trường T" dưới mục "chữ ký của chồng" tại trang số 241 trong "Sổ đăng kí kết hôn" (Tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M" là do của một người cùng ký và viết ra.*

2/ Chữ kí dạng viết "Đ" và các chữ "Nguyễn Thị Đ" dưới mục "bên vay, đại diện bên vay, bên thế chấp" trên "hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp xe ô tô" (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ kí dạng viết chữ "Đ" và các chữ "Nguyễn Thị Đ" dưới mục "chữ ký của chồng" tại trang số 241 trong "Sổ đăng kí kết hôn" (Tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M" là do của một người cùng ký và viết ra".

Vì vậy có đủ căn cứ hợp đồng cho vay trên được kí kết giữa Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Trường T, chị Nguyễn Thị Đ. Anh T, chị Đ được xác định là bên vay, đều trực tiếp kí kết hợp đồng; mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe phục vụ kinh doanh cá nhân. Anh T và chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ. HĐXX xem xét cần buộc anh T, chị Đ phải có nghĩa vụ trả khoản nợ 233.406.220đ (Hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm linh sáu nghìn hai trăm hai mươi đồng) tiền nợ gốc và lãi phát sinh của hợp đồng cho vay trên theo quy định của pháp luật là phù hợp.

- Xét hợp đồng thế chấp ô tô số LN1706210086656 ngày 15/7/2017; Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Kiamorning biển kiểm soát 30E - 855.85. Nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 317, 319, 320 Bộ luật dân sự. Do anh T, chị Đ vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng đề nghị duy trì hợp đồng thế chấp trên để đảm bảo T hành án là phù hợp cần được chấp nhận.

Đối với khoản vay hợp đồng sử dụng thẻ thanh toán quốc tế, HĐXX xét thấy: Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thanh toán quốc tế của anh Nguyễn Trường T do Ngân hàng TMCP V xét duyệt cho thấy, việc kí kết sử dụng thẻ tín dụng chỉ có anh T đề nghị và kí kết hợp đồng. Chị Đ không tham gia vay tiền. Do không có lời khai của anh T, chị Đ nên không xác định được việc vay vốn đối với khoản nợ này là nợ chung của anh T, chị Đ. Vì vậy, xét buộc anh T phải có trách nhiệm trả khoản nợ 29.616.010đ tiền gốc và lãi phát sinh là 37.148.568đ là phù hợp pháp luật. Sau này nếu anh T và chị Đ có tranh chấp về nghĩa vụ đối với khoản nợ này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP V được chấp nhận, anh T, chị Đ phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết, giám định dấu vân tay với số tiền chi phí là 6.000.000đ. Xác nhận ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí này, buộc anh T, chị Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền chi phí tố tụng trên.

[4] Về án phí: Anh T, chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 4 Điều 161; Khoản 1 Điều 162; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điểm b Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu anh Nguyễn Trường T và chi Nguyễn Thị Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LN1706210086656. Buộc anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là nợ gốc = 233.406.220đ (Hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm linh sáu nghìn hai trăm hai mươi đồng); nợ lãi (lãi phát sinh tính đến ngày 25/8/2020) = 128.946.617đ (Một trăm hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm mười bẩy đồng chẵn). Tổng nợ gốc và lãi là 362.352.837đ (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bẩy đồng chẵn.)

2. Buộc anh Nguyễn Trường T phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng V số tiền nợ của hợp đồng sử dụng thẻ thanh toán quốc tế: 29.616.010đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn không trăm mười đồng chẵn) nợ gốc và lãi phát sinh là 37.148.568đ (Ba mươi bẩy triệu một trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng). Tổng nợ gốc và lãi anh T phải trả là 66.764.578đ (sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm bẩy mươi tám đồng chẵn)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Nguyễn Trường T, chị Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho bên vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất bên cho vay.

Duy trì hợp đồng thế chấp ô tô số LN1706210086656 ngày 05/7/2017 được kí kết giữa ngân hàng TMCP V và anh T, chị Đ với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Biển kiểm soát 30E – 855.85 giấy đăng kí xe mang tên Nguyễn Trường T để đảm bảo T hành án.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Đ phải chịu chí phí giám định là 6.000.000đ (sáu triệu đồng chẵn) (Xác nhận Ngân hàng TMCP V đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định). Buộc anh Nguyễn Trường T và chị

Nguyễn Thị Đ phải hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng chi phí giám định là 6.000.000đ (sáu triệu đồng chẵn).

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 18.117.000đ (Mười tám triệu một trăm mười bảy nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ 362.352.837đ (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm ba mươi bẩy đồng). Anh Nguyễn Trường T phải chịu 3.338.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn) đối với khoản nợ 66.764.578đ (sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm bẩy mươi tám đồng chẵn)

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.041.000đ (Chín triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0003441 do Chi cục T hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 24/12/2019.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo; anh T, chị Đ có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật T hành án dân sự; Thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh, huyện;
-Các đương sự;
-Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
-Lưu HS
-Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan